

**ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN TRIỆU PHONG ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Những năm qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn huyện đã có những chuyển biến tích cực, nhất là việc ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện đã có những bước phát triển đáng kể; hạ tầng CNTT được tăng cường đầu tư; nguồn nhân lực CNTT ngày càng tăng, qua đó đã góp phần vào sự phát triển chung của huyện.

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT trên địa bàn huyện đến nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển huyện nhà, cũng như yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nền hành chính hiện đại và cải cách hành chính. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò của CNTT chưa thực sự đầy đủ; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CNTT chưa được thực hiện một cách triệt để; việc ứng dụng CNTT chưa gắn liền với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Trước thực trạng trên, việc chuyển đổi số là xu hướng phát triển mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các cấp, các ngành, các địa phương; tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp; phát triển mạnh kinh tế số và xã hội số; hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030, huyện Triệu Phong cơ bản hoàn thành các mục tiêu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh uỷ (khóa XVII) “về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch số 42-

KH/HU của Ban Thường vụ Huyện uỷ (khoá XX) “Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 04/11/2021 của Tỉnh uỷ (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006.

Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018.

Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009.

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ “về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025”.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ “ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030””;

Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ “về việc ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đến năm 2030”.

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/06/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông “về việc triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”.

Công văn số 2304/BTTTT-THH ngày 29/06/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông “về việc thực hiện chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của Tỉnh uỷ “về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”.

Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy (Khoá XVII) “về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Kế hoạch số 5884/KH-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh “về ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025”.

Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh “về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 2.0”;

Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh “về việc ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị, phiên bản 1.0”.

Kế hoạch số 5980/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh “về Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh “về Ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Phong lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Chương trình hành động số 01-CTHĐ/HU ngày 16/9/2020 của Huyện ủy (khoá XX) “Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025”.

Kế hoạch số 13-KH/HU ngày 01/4/2021 “thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”.

Kế hoạch số 1323/KH-UBND ngày 27/04/2021 của UBND huyện “thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”.

Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị Quyết 02-NQ/TW của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 17/3/2022 “Thực hiện Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị Quyết 02-NQ/TW của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030””.

PHẦN THỨ HAI
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ
GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN TRIỆU PHONG
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý triển khai công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, huyện đã ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin cụ thể như:

Kế hoạch số 2689/KH-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện “*thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/2/2019 của Chính phủ “về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 huyện Triệu Phong”*”;

Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND huyện “*về việc ban hành Quy chế nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước huyện Triệu Phong*”;

Kế hoạch số 1323/KH-UBND ngày 27/04/2021 của UBND huyện “*thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”*”;

Kế hoạch số 1289/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND huyện “*tuyên truyền nâng cao nhận thức về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chương trình, kết quả chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn huyện Triệu Phong*”;

Kế hoạch số 2631/KH-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện “*triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan Nhà nước huyện Triệu Phong, giai đoạn 2017-2020*”;

Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND huyện “*về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trong hoạt động cơ quan Nhà nước huyện Triệu Phong*”;

Kế hoạch số 3071/KH-UBND ngày 22/9/2020 của UBND huyện “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước huyện Triệu Phong năm 2021 và giai đoạn 2021-2025*”;

Kế hoạch số 13-KH/HU ngày 01/4/2021 “*thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư*”.

Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy (khoá XX) “*Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”.

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 17/3/2022 “*Thực hiện Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*”.

2. Hạ tầng thông tin

+ Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Toàn huyện có 19 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, trong đó: 6 bưu cục cấp 2 và 3, 01 bưu cục phát; 12/18 xã, thị trấn có điểm bưu điện văn hoá xã; 1 văn phòng đại diện; 18/18 xã, thị trấn có báo đến trong ngày. Bán kính phục vụ bình quân 2,5km/1 điểm phục vụ; số dân được phục vụ 3.500 người/1 điểm phục vụ; 06/12 điểm bưu điện văn hoá xã duy trì 01 máy tính để phục vụ các dịch vụ VTCL.

Trên địa bàn huyện hiện có 02 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet là Viễn thông Quảng Trị, Viettel Quảng Trị. Mạng Internet băng rộng cố định đã triển khai cung cấp dịch vụ tới trung tâm 18/18 xã, thị trấn.

Tổng số thuê bao Internet toàn huyện đạt 13.155 thuê bao.

+ Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cơ quan Nhà nước

- *Hạ tầng máy tính*: Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện đạt 100%; cán bộ, công chức các xã, thị trấn đạt 90%.

- *Hạ tầng mạng LAN*: 100% cơ quan Nhà nước cấp huyện và cấp xã có mạng nội bộ LAN phục vụ việc kết nối chia sẻ dữ liệu và hạ tầng thông tin trong triển khai ứng dụng CNTT tại địa phương, đơn vị.

- *Hạ tầng kết nối Internet*: 100% cơ quan Nhà nước các cấp đều đã kết nối Internet, với 95% máy tính được kết nối Internet (*trừ số máy tính của cán bộ kế toán và máy tính của một số cán bộ chuyên soạn thảo văn bản quan trọng, có tính chất mật*).

- *Trong các đơn vị giáo dục*: Hạ tầng CNTT trong các đơn vị giáo dục đã được đầu tư trang bị khá tốt, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh trong các trường. Về hạ tầng máy tính, được trang bị máy tính phục vụ quản lý và giảng dạy; trong đó, 100% các trường trung học phổ thông có đủ phòng máy tính cho toàn bộ học sinh của trường học tin học (đạt 100% theo quy hoạch), đảm bảo mỗi phòng có từ 25 máy tính trở lên; 90% trường trung học cơ sở và 100% trường tiểu học có phòng máy tính với trên 15 máy/phòng. Hầu hết số phòng máy tại các trường học đều được kết nối Internet và mạng LAN. Về hạ tầng mạng LAN, đến nay 100% các trường trung học phổ thông kết nối mạng LAN và

Internet (đạt 100% quy hoạch); 100% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối mạng LAN; 100% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối Internet ADSL (đạt 100% quy hoạch).

- Trong các đơn vị y tế: Hạ tầng CNTT tại Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Y tế huyện khu vực Bồ Bản và trạm y tế xã, thị trấn cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của các y, bác sỹ trong việc quản lý, khám, chữa bệnh. Đến nay 100% cơ sở y tế trên địa bàn huyện đã trang bị máy tính; kết nối mạng LAN và Internet (đạt 100% quy hoạch).

3. Các Hệ thống nền tảng và Cơ sở dữ liệu

Thực hiện Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh "về việc phê duyệt dự án xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị", đến nay, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP) đã được triển khai tại địa chỉ <http://truclienthong.quangtri.gov.vn/ihorae>, đã được chia sẻ và tích hợp với trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); kết nối liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để chia sẻ các dịch vụ về hộ tịch tư pháp, lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, VNPost, danh mục dùng chung, cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách...

Đến nay, nhiều ứng dụng và cơ sở dữ liệu được triển khai tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện như: phần mềm quản lý đối tượng chính sách, quản lý công tác tiếp dân, quản lý tài sản, quản lý phổ cập giáo dục... cơ sở dữ liệu lưu trữ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, cơ sở dữ liệu GIS chuyên đề bưu chính, viễn thông Quảng Trị, cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin cán bộ, công chức huyện; cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường huyện... Tuy nhiên, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành này chưa được quản lý tập trung theo quy mô toàn huyện mà còn phân tán theo từng ngành riêng lẻ.

4. Về triển khai Chính quyền điện tử

+ **Hệ thống thư điện tử công vụ:** Được triển khai đồng bộ tại tất cả các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện (*tên miền @quangtri.gov.vn*); là một kênh trao đổi thông tin hiệu quả giữa các địa phương, đơn vị trong và ngoài huyện; đây là công cụ trao đổi thông tin của các cán bộ, công chức giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Tỷ lệ cán bộ, công chức của huyện được cấp hộp thư điện tử công vụ đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc đạt trên 95%.

+ **Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc** (<https://vpdt.quangtri.gov.vn>): Đã được thực hiện đồng bộ, hiệu quả theo Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ "về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước" tại 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện; tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện đạt trên 95% (*trừ những văn bản mật hoặc tuyệt mật*).

+ **Dịch vụ Cổng thông tin điện tử:** Trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ <http://trieuphong.quangtri.gov.vn> hoạt động khá hiệu quả. Đến nay 100% UBND các xã, thị trấn, một số ngành, đơn vị và trường học đã có Cổng/trang thông tin điện tử (*độc lập*) bước đầu hoạt động cơ bản ổn định, cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. 100% văn bản quy phạm pháp luật, hơn 90% văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện được cập nhật trên trang thông tin điện tử của huyện; bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ UBND huyện đến các đơn vị trực thuộc. Nhìn chung, các trang thông tin điện tử trên địa bàn huyện chưa đáp ứng Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ “*Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước*”.

+ **Dịch vụ công trực tuyến:** Bộ phận 1 cửa của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, hướng dẫn, phối hợp với người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Kết quả trong năm 2022, UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn giải quyết 32.983 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ cao tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn> trên tổng số 48.276 hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận giải quyết, chiếm 83,63%; hồ sơ trực tiếp là 6.232, chiếm 15,8%. Dịch vụ công trực tuyến cấp huyện có 236 thủ tục, trong đó có 54 thủ tục mức độ 3; 182 thủ tục mức độ 4. Thủ tục cấp xã có 108 thủ tục, trong đó có 20 thủ tục mức độ 3 và 78 thủ tục mức độ 4.

+ **Ứng dụng Một cửa điện tử:** Đến nay, ứng dụng Một cửa điện tử tỉnh được huyện triển khai đồng bộ đến 100% các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tại địa chỉ <https://motcuadientu.quangtri.gov.vn>; đã được tích hợp kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong giải quyết thủ tục hành chính và công việc hành chính.

+ **Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng:** Thực hiện Kế hoạch số 2631/KH-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện “*về việc triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước huyện Triệu Phong giai đoạn 2017-2020*”; các tổ chức, cá nhân đã được cấp chữ ký số chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và gửi nhận văn bản qua mạng. Tuy nhiên, việc ứng dụng chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử đến nay chưa được các đơn vị, địa phương triển khai nên nếp và thường xuyên; một số ứng dụng dùng chung như: Cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống Một cửa điện tử... chưa tích hợp ký số chuyên dùng.

+ **Ứng dụng Hội nghị truyền hình:** Thực hiện Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh “*Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị*”, hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai tại Văn phòng HĐND - UBND huyện (điểm cầu trung tâm), Văn phòng Huyện uỷ, UBMTTQVN huyện và 18/18 xã, thị trấn (điểm cầu vệ tinh) kết

nổi 2 chiều từ Chính phủ về cấp huyện và các địa phương, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực

- *Lĩnh vực y tế*: Trung tâm Y tế huyện đã triển khai các hệ thống phần mềm như: Hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, Hệ thống quản lý nguồn nhân lực ngành y tế, Hệ thống quản lý đấu thầu thuốc, Hệ thống khai báo y tế phòng chống dịch Covid-19 (QR Code)...

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: Ngành giáo dục của huyện đang sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm quản lý như: phần mềm thiết kế bài giảng điện tử Elearning; phần mềm quản lý học sinh VnEdu; phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình ngành giáo dục. Trong thời gian dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các trường học, học sinh, sinh viên đã sử dụng ứng dụng Zoom meeting, Microsoft Teams để dạy và học trực tuyến.

- *Lĩnh vực tài nguyên – môi trường*: Hiện đang sử dụng phần mềm ViLIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện; phần mềm TK Destop thống kê, kiểm kê đất đai; phần mềm MicroStation đo đạc, lập bản đồ địa chính.

- *Lĩnh vực giao thông – vận tải*: Hiện đang sử dụng phần mềm quản lý đường địa phương V-ProMMs.

- *Lĩnh vực thương mại điện tử*: Sản phẩm OCOP gạo sạch Triệu Phong tham gia sàn thương mại điện tử PostMart.vn. Một số kênh bán hàng của người dân qua các nền tảng mạng xã hội đã bắt đầu hình thành, góp phần bước đầu thúc đẩy kinh tế số khu vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

- *Lĩnh vực tài chính - ngân hàng*: Đang thực hiện phần mềm kế toán MISA, quản lý tài sản, đăng ký mã quan hệ ngân sách, đăng ký dịch vụ kho bạc, thuế điện tử; hệ thống đăng ký, quản lý, hợp tác xã và hộ kinh doanh, doanh nghiệp;... Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện đã triển khai ứng dụng E-Mobile Banking để thực hiện các dịch vụ phi tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ thanh toán trong lĩnh vực ngân hàng.

6. Lĩnh vực Viễn thông

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 03 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: Viễn thông Quảng Trị (VNPT), Viễn thông Quân đội (Viettel), MobiFone.

Thuê bao di động trả trước: 67.143, thuê bao di động trả sau: 8.701, thuê bao FTTH: 13.135.

Tổng số trạm BTS trên địa bàn huyện hiện có là 134 trạm, các trạm thường xuyên được các doanh nghiệp tiến hành duy tu, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt.

Tỷ lệ phủ sóng di động theo thôn 2G, 3G, 4G đạt 100%. Số lượng thuê bao 2G/100 dân trên địa bàn chiếm tỷ lệ khoảng 11%.

7. Nhân lực công nghệ thông tin

Toàn huyện có 03/41 cơ quan cấp huyện (Văn phòng Huyện uỷ, Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Văn hoá và Thông tin huyện) được bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT; các xã, thị trấn do công chức Văn phòng UBND xã hoặc công chức văn hoá – xã hội xã kiêm nhiệm. So với mục tiêu đặt ra thì chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực CNTT của huyện.

100% cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã có chứng chỉ tin học văn phòng, biết sử dụng máy tính trong công việc.

Có 18/18 xã, thị trấn thành lập tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã; 92/92 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp thôn. Huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện.

8. An ninh an toàn thông tin

Huyện đã quán triệt, triển khai tốt công tác đảm bảo an ninh, an toàn mạng CNTT, tăng cường tính bảo mật của thông tin, tránh để lộ lọt thông tin bảo mật ra bên ngoài; thường xuyên cảnh báo lỗ hổng bảo mật, các mã độc hại gây ảnh hưởng đến hệ thống máy tính và internet các cơ quan, đơn vị, địa phương. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị sử dụng các phần mềm giám sát mã độc như firewall, Bkav,...

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT, đặc biệt là chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; việc đầu tư còn chắp vá, thiếu đồng bộ.

- Ứng dụng CNTT, công nghệ số trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, doanh nghiệp có mặt còn hạn chế.

- Chuyển đổi số trên địa bàn huyện diễn ra còn chậm; đặt ra nhiều thách thức cả về kinh tế và xã hội.

- Nguồn nhân lực CNTT của huyện còn ít, năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chuyển đổi số.

- An ninh, an toàn mạng CNTT chưa được quan tâm đúng mức; nguy cơ mất an toàn hệ thống luôn ở mức cao.

2. Nguyên nhân

- Nhận thức về CNTT, chuyển đổi số ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ; thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, có mặt còn bị động, lúng túng.

- Công tác quản lý nhà nước về CNTT, chuyển đổi số vẫn chưa theo kịp thực tiễn phát triển CNTT và chuyển đổi số.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển CNTT, chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương về CNTT, chuyển đổi số chưa thực sự chặt chẽ; sự kết nối liên thông mạng CNTT giữa khối Đảng, đoàn thể với khối chính quyền còn bất cập, thiếu đồng bộ.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai chuyên đổi số nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp; phát triển mạnh kinh tế số và xã hội số; hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, Triệu Phong cơ bản hoàn thành các mục tiêu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” và Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy (khóa XVII) “*về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” và Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

+ *Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan Nhà nước*

- 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>;

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của huyện được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Phấn đấu huyện Triệu Phong hàng năm nằm trong top đầu về chỉ số ICT Index tỉnh Quảng Trị (chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ

quan nhà nước).

+ *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% tổng giá trị các ngành sản xuất của huyện;
- Từng bước ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

+ *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cấp quang phủ trên 80% hộ gia đình (có thuê bao cấp quang), 100% xã, thị trấn;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

+ *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan Nhà nước*

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng mạng lưới thiết bị kết nối mạng internet; kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Duy trì huyện Triệu Phong hàng năm nằm trong top đầu về chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (ICT Index) tỉnh Quảng Trị. Thực hiện tốt về bảo đảm an toàn thông tin mạng.

+ *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Kinh tế số chiếm 15% tổng giá trị các ngành sản xuất của huyện;
- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

+ *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cấp quang phủ đến 100% hộ gia đình (*có*

thuê bao cáp quang);

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 70%.

IV. NHIỆM VỤ

1. Tạo nền tảng chuyển đổi số

+ Chuyển đổi nhận thức

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách. Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh của địa phương, đơn vị mình.

- Đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “*về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” và Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy (khóa XVII) “*về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”, Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa XX) “*Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”... trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ huyện đến cơ sở.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức cơ bản về chuyển đổi số.

- Lồng ghép tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, hiểu biết về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi trên các phương tiện thông tin báo chí.

+ Kiến tạo thể chế

Kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

- Xây dựng và thực hiện các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số (Trong đó có quy định về việc thu thập dữ liệu một lần).

- Xây dựng và thực hiện quy định số hoá dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hoá theo lộ trình. Chuẩn hoá nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hoá.

- Xây dựng và ban hành các quy định về thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan nhà nước của huyện (dữ liệu và dữ liệu mở); quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức.

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên toàn huyện trên nền tảng chung chính sách, quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Thực hiện các quy định về quản trị, giám sát và vận hành hệ thống CNTT cho hệ thống chính quyền số.

- Thực hiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp huyện và các xã, thị trấn.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông phục vụ triển khai, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh.

+ Phát triển hạ tầng số:

- Phối hợp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao, hạ tầng mạng lưới thiết bị kết nối mạng internet.

- Phối hợp triển khai đầu tư hạ tầng bưu chính viễn thông - công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trung tâm điều hành thông minh (IOC)...

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, nhà mạng triển khai chương trình mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số.

- Phối hợp triển khai thí điểm và nhân rộng việc xây dựng và sử dụng mạng 5G cùng với có lộ trình bỏ mạng 2G, 3G trên địa bàn huyện.

- Nâng cấp hạ tầng CNTT theo hướng sử dụng đám mây, bổ sung và nâng cấp hạ tầng phần cứng, máy chủ, máy trạm đáp ứng nhu cầu sử dụng CNTT trong giai đoạn chuyển đổi số.

- Thực hiện chuyển đổi mạng internet sử dụng giao thức Ipv4 sang Ipv6.

- Chuẩn hoá mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan nhà nước từ huyện đến xã, thị trấn; mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách

thống nhất, đồng bộ, tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số.

- Duy trì hoạt động ổn định hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của huyện đến cấp xã đảm bảo chất lượng HD để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên địa bàn huyện.

- Xây dựng hệ thống Wifi công cộng thông minh trên địa bàn huyện để phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua internet thuận lợi cho nhà đầu tư, du khách và Nhân dân khai thác các tiện ích được cung cấp bởi chính quyền số, đô thị thông minh.

- Phối hợp phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT); xây dựng và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, điện, nước,...

- Tổ chức số hoá dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các cơ quan hành chính nhà nước. Chuẩn hoá hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới. Thực hiện việc cấu trúc lại các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của huyện.

+ Phát triển nền tảng số:

- Phối hợp phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên cơ sở xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, học trực tuyến,...

- Phối hợp tập trung phát triển các nền tảng số: Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng kết nối dịch vụ số hoá, nền tảng chuỗi khối (blockchain), nền tảng định danh điện tử (eID).

- Khai thác có hiệu quả các nền tảng số để triển khai dùng chung trên địa bàn toàn huyện.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu, số hóa toàn bộ hồ sơ, tạo kho dữ liệu tại các xã, thị trấn, các ngành, lĩnh vực.

+ Đảm bảo an toàn, an ninh mạng:

- Đảm bảo an ninh, an toàn mạng là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số đạt kết quả tốt và thành công.

- Thường xuyên quán triệt, thực hiện Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ “Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ”, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc

nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại”.

- Xây dựng quy chế, phối hợp với Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng (SOC) của tỉnh triển khai giám sát an toàn, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng trên phạm vi của huyện.

- Theo dõi, kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan và toàn xã hội.

+ Phát triển nguồn nhân lực:

- Tập trung thực hiện lồng ghép việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thông qua các chương trình, kế hoạch đào tạo chung của tỉnh, huyện.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách tăng cường xây dựng đội ngũ về công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; khuyến khích việc tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số, ngoại ngữ,... thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò tích cực của các tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và tổ chuyên đổi số cộng đồng cấp thôn trong việc đưa công nghệ số, chuyển đổi số đến với người dân.

2. Xây dựng chính quyền số

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan Nhà nước một cách tập trung, thông suốt, tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong phát triển kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để phục vụ nhanh chóng, chính xác cho người dân và doanh nghiệp.

- Đảm bảo các ngành hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hoá và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thống kê phục vụ quản lý số chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh sẵn có của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet,... để kết nối liên thông, sử dụng cơ chế mã hoá và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp xây dựng kho dữ liệu dùng chung phục vụ phát triển chính quyền số gắn với xây dựng trung tâm điều hành thông minh (IOC).

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức chính quyền điện tử 2.0 và

kết quả triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn huyện.

- Từng bước xây dựng hoàn thiện các thực thể: Chính quyền cung cấp thông tin và dịch vụ cho người dân (G2C); Chính quyền cung cấp thông tin và dịch vụ cho doanh nghiệp (G2B); Chính quyền cung cấp thông tin và dịch vụ liên quan giữa các cơ quan chính quyền với nhau (G2G); Chính quyền cung cấp thông tin và dịch vụ cho cán bộ, công chức, viên chức (G2E).

+ Phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh, của huyện trên các phương tiện truyền thông một cách đầy đủ, thuận tiện để người dân và doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các ứng dụng số nhằm gia tăng sự tương tác giữa chính quyền với doanh nghiệp và người dân theo phương châm “cung cấp thông tin một lần, phục vụ trọn đời”.

- Tận dụng các kênh xã hội, nền tảng mạng xã hội để nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh tương tác của người dân, doanh nghiệp với các ứng dụng số.

- Xây dựng phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại các ngành, đơn vị và các xã, thị trấn nhằm tăng cường, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các cơ quan nhà nước.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

- Ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định.

- Ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

- Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng, đồng thời thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ với các đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết công việc.

+ Triển khai xây dựng Kho dữ liệu dùng chung:

- Đối với cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về thuế,... hình thành một cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thống nhất, phục vụ cho nhu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước.

- Đối với cơ sở dữ liệu về người dân được hình thành trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu hộ,... trên cơ sở đó phát triển mở rộng, tích hợp vào cơ sở dữ liệu về dân cư các dữ liệu liên quan đến người dân như: y tế, giáo dục, lao động, bảo hiểm xã hội,...

- Đối với cơ sở dữ liệu nền địa chính: Phối hợp triển khai xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, xây dựng nền địa hình, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất. Sau đó, thực hiện bổ sung các lớp dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý giao thông, quy hoạch, xây dựng, điện, nước,...

- Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả Kho dữ liệu dùng chung thông qua Cổng dữ liệu của huyện, của tỉnh và Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn).

+ Xây dựng kho dữ liệu mở:

Trên cơ sở kho dữ liệu dùng chung là nguồn cung cấp dữ liệu làm cơ sở phát triển hệ sinh thái dữ liệu mở của huyện nhằm chia sẻ dữ liệu cho doanh nghiệp tham gia sáng tạo các dịch vụ mới cho người dân. Đây là kênh thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin phục vụ cho cuộc sống, kinh doanh, đầu tư, góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, đồng thời khuyến khích người dân tham gia giám sát các mặt hoạt động của chính quyền.

+ Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền:

- Tập trung số hoá trong tất cả các ngành, lĩnh vực, công việc của cơ quan nhà nước làm cơ sở cho chuyển đổi số để phục vụ lưu trữ, truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu.

- Duy trì hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; bảo đảm kết nối, liên thông các cấp chính quyền của huyện, kết nối với Trục liên thông văn bản tỉnh và quốc gia.

- Xây dựng, quản lý thống nhất và tổ chức khai thác có hiệu quả tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

3. Phát triển kinh tế số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, thương mại điện tử, sản xuất thông minh... Tập trung ưu tiên một số lĩnh vực sau:

+ Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử:

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

- Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng; kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất

theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

- Hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ *Hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp:*

- Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số (nền tảng cloud, thanh toán điện tử không dùng tiền mặt,...).

- Hỗ trợ thúc đẩy việc thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo các mô hình sản xuất mới hiệu quả và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới trên nền tảng số.

- Khuyến khích và hỗ trợ việc hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ số.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:*

- Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế, hạn chế rủi ro về thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp.

- Từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp dựa trên nền tảng dữ liệu về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thời tiết, thủy văn,... để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ số để tự động hoá một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp của địa phương.

+ *Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường:*

- Phối hợp xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia như: cơ sở dữ liệu đất đai, nền địa lý quốc gia, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản...

- Xây dựng bản đồ số và ứng dụng thông minh quản lý, giám sát hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, xả thải, nguồn xả thải, bản đồ dự đoán khu vực ngập lụt; triển khai hệ thống quản lý, hỗ trợ thu gom rác thải, các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai, cứu hộ, cứu nạn... trên địa bàn huyện.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics:*

- Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải; quản lý người điều khiển phương tiện giao thông trên nền tảng số.

- Sử dụng các ứng dụng số về xử lý hiện trường giao thông để xử lý nhanh

chóng các vấn đề liên quan đến tai nạn, va quệt giao thông, ùn tắc giao thông, các điểm đen giao thông,...

- Phát triển hạ tầng logistics gắn với chuỗi cung ứng dựa trên lợi thế cảng biển, Khu Kinh tế Đông Nam, đường cao tốc qua địa bàn huyện,...

- Phát triển nền tảng số hỗ trợ kết nối giữa chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng trong việc tìm kiếm các giải pháp tối ưu để thực hiện việc vận chuyển hàng hoá, kho bãi, đóng gói, đăng ký và xử lý thủ tục hành chính,... nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp.

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng:

- Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số theo hướng dẫn của ngành dọc Trung ương.

- Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tài chính số hiện đại, bền vững.

- Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc,...

- Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính, ngân hàng.

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch:

- Triển khai số hóa các khu, điểm di tích lịch sử, văn hóa, sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện... để quảng bá hình ảnh huyện Triệu Phong.

- Hình thành sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo để giới thiệu về các điểm đến, các tour, tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh, mang đến trải nghiệm tốt hơn cho du khách.

4. Phát triển xã hội số

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tăng khả năng kết nối của người dân đối với xã hội số; tập trung chuyển đổi kỹ năng, thông qua nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để phát triển xã hội số không ai bị bỏ lại phía sau.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, rà soát và triển khai đảm bảo 100% hệ thống cấp quang được phủ đến tận các thôn, xã.

- Khuyến khích mở rộng, thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn huyện. Trước hết là trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyển đổi số cho cán bộ chuyên

trách cấp huyện và mỗi xã, thị trấn có ít nhất một cán bộ, công chức được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số làm nòng cốt hướng dẫn chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số của huyện và lan toả xây dựng xã hội số tại địa phương mình.

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:

- Phát triển nền tảng hỗ trợ tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa; xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số.

- Ứng dụng công nghệ số tại tất các cơ sở y tế (Trung tâm Y tế, trạm y tế, phòng khám tư,...) góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

- Sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thực hiện thanh toán viện phí điện tử, xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Đầu tư số hóa hệ thống y tế dự phòng và khám chữa bệnh.

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT trong các trường học theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả. Phân đầu 100% học sinh các trường học được tiếp cận internet; xây dựng kho học liệu;...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới phương thức quản lý; đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện); kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.

+ Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa:

- Phối hợp xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lễ hội Quảng Trị với các lễ hội dân gian truyền thống, lễ hội lịch sử cách mạng, lễ hội văn hóa và lễ hội tôn giáo.

- Thực hiện số hóa dữ liệu các di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể; bảo tàng, nhà trưng bày và thư viện; tích cực phối hợp triển khai kết nối di sản văn hóa tỉnh với di sản văn hóa quốc gia và thế giới.

- Xây dựng hình ảnh, văn hóa, mảnh đất và con người Triệu Phong thân thiện, văn minh, hiếu khách trên không gian mạng và các nền tảng số.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐÀY CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác chỉ đạo về ứng dụng, phát triển CNTT để thúc đẩy chuyển đổi số

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số

của huyện để chỉ đạo triển khai hoạt động chuyển đổi số của huyện trong thời gian đến.

- Tham mưu trình Hội đồng Nhân dân huyện ban hành nghị quyết về chuyển đổi số huyện Triệu Phong giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện, đồng thời phân bổ kinh phí, phê duyệt các dự án đầu tư chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt các chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về chuyển đổi số nói chung, an toàn thông tin nói riêng theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số được tinh giao theo các theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về xây dựng, triển khai các quy định, hướng dẫn thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT; về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển chính quyền số phù hợp với xu thế phát triển

- Tập trung xây dựng chính quyền điện tử huyện phù hợp với khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh (phiên bản 2.0).

- Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp huyện (LGSP) và kết nối với hệ thống trực dữ liệu tỉnh (NGSP) để liên thông các Hệ thống thông tin ở tỉnh theo lộ trình xây dựng, hoàn thành các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh; vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của huyện theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

3. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thiết thực, có hiệu quả

- Triển khai mô hình Hệ thống thông tin phục vụ hợp không giấy tờ và xử lý công việc của UBND huyện, các ngành cấp huyện theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đồng bộ, liên thông từ huyện xuống cơ sở.

- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp,

chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

4. Xây dựng chính quyền số bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

- Triển khai các hệ thống bảo đảm an toàn thông tin; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin của huyện;

- Chú trọng nâng cao năng lực ứng phó nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, các doanh nghiệp về CNTT để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của huyện.

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện và sử dụng trên thiết bị di động để thuận tiện cho việc quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

5. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tăng cường truyền thông và quảng bá hiệu quả về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng.

- Tận dụng các hệ thống thông tin sẵn có, chủ động bố trí, huy động nguồn lực tại chỗ để bảo đảm khả năng sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của tất cả các thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, từng bước có lộ trình nâng cấp, phát triển hệ thống thông tin để xử lý hồ sơ hoàn toàn trên không gian mạng.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là đối tượng phục vụ; phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công.

- Kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông; sẵn sàng kết nối với Hệ thống định danh, xác thực điện tử quốc gia, Hệ thống hỗ trợ thanh toán trực tuyến toàn quốc, các cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng dần tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến của các dịch vụ công trực tuyến.

6. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng chính quyền số

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng chính quyền số của huyện theo hình thức phù hợp với khả năng ngân sách huyện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách và hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng chính quyền số các cấp của huyện.

- Đề xuất và triển khai tốt các chương trình phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... tại địa phương.

- Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, chính quyền số, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đối với người dân, doanh nghiệp).

- Chủ động, tích cực tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

- Quan tâm học tập kinh nghiệm các địa phương trong và ngoài tỉnh triển khai chuyển đổi số thành công, nhất là các địa phương đi đầu, xếp thứ hạng cao về chuyển đổi số để phục vụ công tác chuyển đổi số của huyện.

- Chú trọng công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, bí mật nhà nước.

VI. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN TRIỆU PHONG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Ban hành tại Phụ lục 01 kèm theo Đề án này

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Khái toán kinh phí để thực hiện Đề án chuyển đổi số ban hành tại Phụ lục 01 của Đề án này dự kiến là 7.430.000.000đ.

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số: ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách Nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số,...

3. UBND huyện đề xuất các danh mục, dự án chuyển đổi số của huyện

trình HĐND huyện xem xét quyết định để thực hiện. Hàng năm, cân đối bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Đề án này theo quy định của pháp luật.

4. Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn căn cứ vào nội dung Đề án chuyển đổi số của huyện Triệu Phong giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện “Thực hiện Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/2/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”” chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số và kinh phí thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương; ưu tiên lồng ghép các nguồn lực để tập trung thực hiện các nội dung chuyển đổi số.

5. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai các nội dung của Đề án này.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện chỉ đạo, điều phối chung việc triển khai đề án Chuyển đổi số của huyện.

- Phòng Văn hoá và Thông tin huyện là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện có trách nhiệm tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện các nội dung của Đề án này.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

- Chủ trì tham mưu UBND huyện, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện chỉ đạo hướng dẫn, tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số huyện.

- Tham mưu theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các cơ quan, phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án, đề xuất các giải pháp, phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban Nhân dân huyện xem xét, quyết định.

- Tham mưu tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Đề án chuyển đổi số huyện.

- Chủ trì tham mưu đề xuất danh mục, dự án chuyển đổi số và nguồn kinh phí hàng năm để phục vụ chuyển đổi số huyện.

3. Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện

Tham mưu UBND huyện bố trí vốn đầu tư phát triển, ưu tiên bố trí kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

- Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung liên quan đến kinh tế số, thương mại điện tử, logistics,... của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tham mưu ưu tiên triển khai các hoạt động, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

5. Trung tâm Văn hoá thông tin và Thể dục thể thao huyện

Tham mưu UBND huyện đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Đề án chuyển đổi số huyện.

6. Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số với ứng dụng CNTT để triển khai tốt Đề án này.

7. Đề nghị UBMTTQVN và các đoàn thể huyện

Tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án này trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân để thực hiện hiệu quả.

8. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ Đề án này, chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số; lồng ghép nội dung về chuyển đổi số với ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số,...

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số, về xây dựng xã hội số,... để cộng đồng dân cư nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức chuyển đổi số.

- Tích cực xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh gắn với xây dựng mô hình xã thông minh, đô thị thông minh để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của địa phương.

9. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện

- Tham gia làm nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện.

- Chủ động phát triển hạ tầng số, nền tảng số, an toàn, an ninh mạng; hỗ trợ quá trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

10. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện

- Tham gia chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp, vận chuyển sản phẩm, bán hàng, thanh toán,... dựa trên nền tảng số,

sản xuất thông minh nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phục vụ tốt hơn thị trường và người dân.

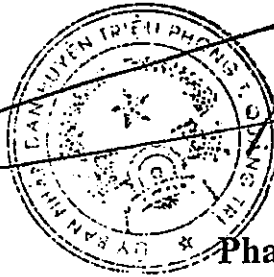
- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào chuyển đổi số của huyện.

Trên đây là Đề án chuyển đổi số huyện Triệu Phong đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở TTTT tỉnh;
- TTHU, TTHĐND, UBMTTQVN huyện;
- CT, Các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VTUB. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Linh

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ
HUYỆN TRIỆU PHONG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**
(Kèm theo Đề án số 536/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện Triệu Phong)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Chi phí đầu tư phân kỳ				Ghi chú
			2022	2023	2024	2025	
I	Hệ thống họp trực tuyến Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện đến Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn	1550	1550				Đã thực hiện năm 2022
II	Xây dựng Phòng giám sát, điều hành tại VP HĐND & UBND	3050		650	1500	900	
1	Gói cải tạo cơ sở vật chất phòng giám sát, điều hành và trang thiết bị CNTT	450		.	450		Bàn ghế, rèm màn, background,...
2	Ứng dụng Chính quyền điện tử huyện Triệu Phong: Hệ thống lõi Chính quyền điện tử, hệ thống báo cáo và giám sát số liệu tập trung của huyện, Hệ thống phản ánh hiện trường, Hệ thống tích hợp camera giám sát,...	1950			1050	900	
3	Trang bị máy vi tính cho đại biểu HĐND huyện	450		450			
4	Trang bị máy vi tính cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	200		200			
III	Xây dựng hệ thống an toàn bảo mật và an toàn thông tin cấp huyện và 18 xã thị trấn	450		150	150	150	
IV	Xây dựng hệ thống Theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND huyện và Hệ thống phân mềm Quản lý tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	400				400	



1	Hệ thống Theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND huyện Triệu Phong; nâng cấp Trang thông tin điện tử huyện	200				200		200	
2	Hệ thống phần mềm Quản lý tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	200				200		200	
V	Giải pháp nâng cao cải cách hành chính trên địa bàn toàn huyện	1300				1000		150	
1	Nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa tại Huyện và các xã, thị trấn - Xây dựng bộ tiêu chuẩn về thiết bị, đường truyền, quy định sử dụng mạng nội bộ tại các bộ phận một cửa - Phân cấp đầu tư mua sắm máy tính, máy scan	900				600		150	Xây dựng bộ tiêu chuẩn tại tuyến xã, phân cấp đầu tư.
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại trụ sở HĐND và UBND huyện	200				200			Khảo sát, quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống lan nội bộ bao gồm: Thiết bị, dây truyền dẫn, hệ thống wifi
3	Xây dựng hệ thống Camera tại bộ phận một cửa và module giám sát tập trung tại phòng giám sát Huyện	200				200			1) Camera giám sát tại bộ phận 1 cửa: 1 cam PTZ hoặc 02 cam Thân trong nhà 2) Camera giám sát bộ phận 1 cửa huyện : 01 camera PTZ 3) Đầu ghi và hệ thống phụ trợ tại Phòng giám sát huyện 4) Truyền dẫn trên nền tảng Internet sử dụng hạ tầng sẵn có

VI	Triển khai các nội dung tập huấn, truyền truyền nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của các đơn vị trực thuộc và người dân trên địa bàn	680		340	180	160	
1	Giải pháp tuyên truyền vận động người dân ứng dụng DVC cấp độ 3 và cấp độ 4	160	80	80			1) Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Công thông tin cho người dân 2) Tổ chức cuộc thi và đưa tiêu chí đánh giá về nâng cao chỉ số cải cách hành chính cho CBCNV
2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng	80	40	20		20	
3	Tổ chức cuộc thi và đưa tiêu chí đánh giá về nâng cao chỉ số cải cách hành chính cho CBCNV	120	60			60	
4	Tập huấn chuyển đổi số cho CBCNV huyện	320	160	80		80	
Tổng cộng		7430	2140	1980	1550	1760	